

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2020/DS-ST**

Ngày: 28/8/2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng  
dân sự mua bán tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Cẩm Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Trang, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2020/TLST- DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2020/QĐST – DS ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K.Đ**

*Người đại diện theo pháp luật:* Lưu Thị Đ, chức vụ: Giám đốc.

*Người đại diện theo văn bản ủy quyền (ngày 27/9/2019):* Ông Dương Thanh Nh, sinh năm: 1970 (*Có mặt*).

Địa chỉ hiện nay: Số 382 Ng.Tr.T, phường V.L, thành phố R.G, tỉnh Kiên Giang. (địa chỉ cũ: số 142 Tr.Ph, phường V.Th.V, Tp R.G, Kiên Giang).

**\* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp K.Q.A1, xã V.Kh.T, huyện An Minh, Kiên Giang (*Vắng mặt, không có lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo nội dung khởi kiện ngày 27/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn, ông Dương Thanh Nh trình bày và yêu cầu như sau:** Vào ngày 12/8/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K.Đ (*gọi tắt là Công ty*) có bán cho anh Nguyễn Văn T 01 chiếc xe hiệu Wave @ (*màu đen, đăng ký BKS 68M1 – 292.44*). Theo hợp đồng mua xe trả góp (*ngày 12/8/2018*) giữa anh T và Công ty thì anh T còn nợ số tiền gốc là 7.000.000 đồng, lãi suất trong hạn thỏa thuận là 2%/tháng; quá hạn là 3%/tháng và giảm dần theo thời gian cho đến khi hết hạn hợp đồng là ngày 12/10/2018.

Nhưng sau khi ký hợp đồng và nhận xe tại Công ty thì đến nay anh T không thực hiện như đã thỏa thuận với Công ty. Như vậy, hiện nay anh T còn nợ Công ty số tiền gốc là 7.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 12/8/2018 đến nay.

Nay Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho Công ty số tiền gốc là 7.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 12/8/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Lãi xuất theo quy định là 10% năm (tương đương 0,833%/tháng).

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn T không có lời trình bày.*

#### **Tại phiên tòa:**

- *Đại diện nguyên đơn, ông Nh yêu cầu:* Anh T phải trả cho công ty số tiền gốc là 7.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định là 10% năm (tương đương 0,833%/tháng) từ ngày 12/8/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tiền lãi cụ thể như sau:  $(7.000.000 \text{ đồng} \times 0,883\%) \times 24 \text{ tháng} = 1.399.440 \text{ đồng}$ . Tổng cộng gốc và lãi là 8.399.440 đồng.

- *Bị đơn anh T vắng mặt.*

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; phía bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 440, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K.Đ đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn T (*có nơi cư trú tại ấp K.Q. A1, xã V. Kh.T, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang*) trả tiền mua xe trả góp còn nợ. Quan hệ pháp luật xảy ra tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh T không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. HĐXX xét thấy, việc vắng mặt của anh T không vì sự kiện bất khả kháng hay do điều kiện khác quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Vào ngày 12/8/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K.Đ có ký hợp đồng mua bán xe trả góp với anh Nguyễn Văn T, số tiền gốc thỏa thuận phải góp là 7.000.000 đồng trong thời gian là 02 tháng và tiền lãi là 2%/tháng, quá hạn là 3%/tháng. Tiền gốc và lãi giảm dần theo thời gian trả góp.

Sau khi thỏa thuận thì anh T không góp cho Công ty và hiện nay còn nợ lại Công ty số tiền gốc là 7.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 12/8/2018 đến nay mà thời gian thỏa thuận trả góp giữa hai bên đã hết nên Công ty khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền gốc và lãi còn nợ cho Công ty.

2.1 HĐXX xét thấy, lời trình bày và yêu cầu của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp với nhau về việc anh T có mua xe trả góp và còn nợ Công ty TNHH thương mại K.Đ số tiền gốc và lãi từ ngày 12/8/2018 đến nay.

2.2 HĐXX xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án đến anh T được biết nhưng đến nay anh T không gửi ý kiến của anh đối với yêu cầu của Công ty và tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lời trình bày nên HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến của anh T.

Do đó, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX chấp nhận đề nghị đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K.Đ. Buộc anh Nguyễn Văn T trả cho Công ty tổng cộng số tiền gốc và lãi là 8.399.440 đồng, trong đó: số tiền gốc còn nợ là 7.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 12/8/2018 đến ngày 28/8/2020 (24 tháng) là 1.399.440 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

- Buộc anh Nguyễn Văn T chịu án phí (8.399.440 đồng x 5%) là 419.972 đồng.

- Do yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K.Đ được chấp nhận nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty theo quy định.

[4] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 440, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K.Đ tổng số tiền gốc và lãi là 8.399.440 đồng (*Tám triệu ba trăm*

*chín mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*). Trong đó: Số tiền gốc còn nợ là 7.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 28/8/2020 là 1.399.440 đồng.

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K.Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

- Buộc anh Nguyễn Văn T chịu án phí với số tiền là 419.972 đồng (*Bốn trăm mười chín nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng*).

- Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại K.Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0007787 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**3. Quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 28/8/2020).

Riêng anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trịnh Thị Cẩm Linh**